TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06-6-2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Bùi Văn Phục

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị T, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Ông Bùi Minh T1, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang

Các đương sự có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị và anh Bùi Minh T1 tự nguyện kết hôn với nhau năm 1991 và thực hiện đăng ký hôn. Trong thời gian chung sống chị và anh T1 phát sinh mâu thuẫn do anh T1 không lo kinh tế gia đình, gây nợ từ đó thường xuyên cự cải trong thời gian dài làm cho hôn nhân không hạnh phúc. Nhiều lần chị T cho anh T1 cơ hội để sửa đổi nhưng anh T1 không sửa. Chị T cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với anh T1; Về con chung, chị thừa nhận có hai con chung với anh T1 gồm: Bùi Minh T2, sinh ngày 20/12/1998 (giới tính: Nam) và Bùi Minh T3, sinh ngày 15/12/2000 (giới tính: Nữ), hiện nay

các con chung đã trưởng thành nên chị không có yêu cầu giải quyết về con chung; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Minh T1 trình bày: Thống nhất với nội dung trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và anh T1 cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến chị T xin ly hôn thì anh thừa nhận bản thân có gây nợ và nhậu thường xuyên nhưng hiện nay anh T1 đã sửa đổi bản thân cũng lo đi làm và hạn chế nhậu. Bản thân anh T1 mong muốn được hàn gắn hôn nhân với chị T nên không thống nhất ly hôn; Về con chung, anh thừa nhận có hai con chung với chị T gồm: Bùi Minh T2, sinh ngày 20/12/1998 (giới tính: Nam) và Bùi Minh T3, sinh ngày 15/12/2000(giới tính: Nữ), hiện nay các con chung đã trưởng thành nên anh không có yêu cầu giải quyết về con chung; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Minh T1 trình bày, về quan hệ hôn nhân anh và chị T không thể hàn gắn được nên thống nhất ly hôn với chị Mai Thị T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa các đương sự, là không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn, chứng minh quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để tạo điều kiện cho nguyên đơn chị T và bị đơn anh T1 hàn gắn hôn nhân, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Nguyên đơn chị T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với bị đơn anh T1, chị xác định không còn tình cảm với bị đơn anh T1, dù đã cho cơ hội hàn gắn hôn nhân nhưng anh T1 không sửa đổi. Bản thân anh T1 cho rằng hôn nhân không hạnh phúc nếu tiếp tục thì không thể hàn gắn được nên cũng thống nhất ly hôn với chị T. Xét quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn chị T và bị đơn anh T1 mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Mai Thị T được ly hôn với bị đơn anh Bùi Minh T1 được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bùi Minh T2, sinh ngày 20/12/1998 (giới tính: Nam) và Bùi Minh T3, sinh ngày 15/12/2000(giới tính: Nữ) đã trưởng thành đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Đương sự phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 9, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Mai Thị T được ly hôn với bị đơn anh Bùi Minh T1.

2. Về con chung: Bùi Minh T2, sinh ngày 20/12/1998 (giới tính: Nam) và Bùi Minh T3, sinh ngày 15/12/2000 (giới tính: Nữ) đã trưởng thành đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị T4 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006659 ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hiếu